

LUẬN KINH KIM CANG BÁT-NHÃ

QUYỂN HẠ

Kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Như có người thân thể to lớn vi diệu.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Như Lai nói người có thân thể to lớn vi diệu, tức chẳng phải là thân lớn. Cho nên, Như Lai nói gọi là thân lớn...

Phật bảo: Nầy Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng vậy. Nếu nói như vậy: Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh, thời chẳng phải là Bồ-tát.

Phật bảo: Nầy Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Thật sự có pháp nào tên là Bồ-tát chẳng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn: Không! Thật không có pháp nào, gọi là Bồ-tát cả. Do vậy, nên Phật nói: Hết thấy pháp, không có chúng sinh, không có nhân, không có thọ giả.

Luận rằng:

Đây là điều thứ mười bảy: Chứng đạo.

Kinh nói: “Nầy Tu-bồ-đề! Như có người, thân thể to lớn vi diệu v.v...”. Đây là làm rõ, khi sắp bước vào chứng đạo thì được trí tuệ, nên từ bỏ được tính kiêu mạn. Thế nào là được trí? Có hai thứ trí:

1. Nhiếp chủng tánh trí.
2. Bình đẳng trí.

Khi được trí này, là được sinh vào nhà Như Lai, được quyết định nối giòng Phật. Đây gọi là nhiếp chủng tánh trí. Được trí này xong, là được thân vi diệu. Thân vi diệu, là thân rốt ráo, thân thành tựu, đã được chuyển y hoàn toàn. Thân to lớn, là thân thấu gồm hết thấy thân chúng sinh. Nếu như suốt đêm ngày, chí thành mong ước, sinh về ngôi nhà Như Lai, thì sau khi sinh về đó, rồi sẽ được thân vi diệu kia. Đây gọi là Diệu thân bình đẳng trí.

Lại có năm lí do bình đẳng:

1. Thoác bình đẳng.
2. Pháp Vô ngã bình đẳng.

3. Đoạn tương ứng bình đẳng.
4. Tâm không hi vọng tương ứng bình đẳng.
5. Tất cả Bồ-tát chứng đạo bình đẳng.

Được năm bình đẳng này, là được thân to lớn, là thân lớn, gồm thâu hết thấy thân chúng sinh. Trong thân lớn đó thì không còn cái thuộc về mình, cái thuộc về người khác nữa.

Kinh nói: “Bạch Thế Tôn! Như Lai nói người có thân to lớn vi diệu, thì không phải thân lớn, cho nên Như Lai gọi là thân lớn”. Trong Diệu thân này, đã an lập Đệ nhất nghĩa... như thế v.v... là đã được trí tuệ.

Từ bỏ kiêu mạn là sao?

Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như thế. Nếu nói như vậy: Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh... thì nên hiểu như thế nào? Nếu nghĩ như vậy: Ta diệt độ chúng sinh, ta là Bồ-tát, nên biết đó là kiêu mạn, không phải Bồ-tát thực nghĩa”.

Để chỉ rõ điều này, kinh nói: Cho nên Phật nói: “Hết thấy pháp, không có chúng sinh. v.v...” Nếu Bồ-tát có ý niệm chúng sinh, tức không được thân lớn, thân vi diệu.

Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghĩ như vậy: Ta trang nghiêm cõi nước Phật, thì đó không gọi là Bồ-tát. Tại sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi nước Phật, thì trang nghiêm cõi nước Phật ấy tức chẳng phải là trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm cõi nước Phật. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát không đạt Vô ngã, pháp Vô ngã ấy, thì Như Lai gọi một cách chân thật, là Bồ-tát của Bồ-tát.

Luận rằng:

Đây là môn thứ mười tám: Cầu thành Phật. Nên biết cõi Phật có sáu thứ gom về đầy đủ mọi chuyển y. Đó là những đầy đủ:

1. Quốc độ tịnh đầy đủ.
2. Kiến trí tịnh Vô thượng đầy đủ.
3. Phước tự tại đầy đủ.
4. Thân đầy đủ.
5. Ngữ đầy đủ.
6. Tâm đầy đủ.

Một là Quốc độ tịnh đầy đủ là Tam Ma Bát Đế. Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề”! Nếu Bồ-tát nói như vậy: “Ta trang nghiêm cõi nước Phật, thì không gọi là Bồ-tát”. Nghĩa này là từ cộng kiến chánh hạnh chuyển đổi ra vậy. Cắt đứt nó là an lập Đệ nhất nghĩa. Kinh nói: “Tức chẳng phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm cõi nước Phật v.v...”

Lại nữa, kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông đạt Vô ngã, pháp Vô ngã. Khi nói đến hai thứ Vô ngã đó là nói đến Nhân Vô ngã và Pháp Vô ngã.

Lại nữa, kinh nói: “Như Lai nói là Bồ-tát”, thì Bồ-tát đó đối với hai thứ Vô ngã này, chính là hai thứ Chánh giác. Những điều ấy, chỉ rõ những gì? Nếu nói ta thành tựu tức là nhân ngã; trụ vào việc trang nghiêm cõi Phật, tức là pháp ngã. Đó chẳng phải là Bồ-tát.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có Nhục nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, dạ có! Như Lai có Nhục nhãn.

- Phật nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có Thiên nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn dạ, có! Như Lai có Thiên nhãn.

- Phật nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có Tuệ nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, dạ có! Như Lai có Tuệ nhãn.

- Phật nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có Pháp nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, dạ có! Như Lai có Pháp nhãn.

- Phật nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, dạ có! Như Lai có Phật nhãn.

- Phật nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Hết thủy cát sông Hằng, Phật nói là cát chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Như Lai nói là cát.

- Phật nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có bao nhiêu sông Hằng, có số cát như vậy, thế giới chư Phật, cũng nhiều như hết thủy số cát của mọi sông Hằng. Vậy thế giới ấy có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Số thế giới ấy rất nhiều!

- Phật nói: Hết thủy chúng sinh, trong thế giới đó, có bao nhiêu tâm trụ, Như Lai đều biết hết. Vì sao? Như Lai nói các tâm trụ đều không phải tâm trụ, ấy gọi là tâm trụ. Vì sao? Tu-bồ-đề! Tâm quá khứ không thể nắm bắt, tâm hiện tại không thể nắm bắt, tâm vị lai không thể nắm bắt.

Luận rằng: Thứ hai: Kiến trí tịnh Vô Thượng đầy đủ.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có Nhục nhãn không v.v...? Trong đó có hai thứ: Một là kiến tịnh, hai là Trí tịnh. Như Lai không chỉ có Tuệ nhãn, vì khiến cho chúng sinh biết Phật có kiến

(thấy) thanh tịnh hơn hết của ngài, nên mới hiển thị có năm thứ mất. Nếu khác đây, thì chỉ mong cầu tuệ nhãn kiến tịnh mà thôi.

Trong đó, nói gọn lại chỉ có bốn thứ mất là:

1. Mất thuộc về sắc.
2. Mất thuộc về Đệ nhất nghĩa đế.
3. Mất thuộc về thế đế.
4. Mất thuộc về Nhất thiết chủng. Tất cả đều thuận theo biết.

Mất thuộc về sắc, có hai thứ: Đó là pháp giới và tu quả, cộng thành năm mất.

Vì là cảnh giới thô của năm thứ mất, nên mất thuộc về sắc sắp xếp đầu tiên, còn mất thuộc về Đệ nhất nghĩa đế là trí lực do đó Thế trí không chuyển điên đảo, nên mất thuộc về Đệ nhất nghĩa đế xếp trước mất thuộc về trí đế.

Trong đó nói pháp cho người nếu pháp được thiết lập ra, để nói cho ai, thì trí thu xếp ấy, gọi là Pháp nhãn.

Nhất thiết chủng vô công dụng trí biết hết thấy những gì cần biết, thì gọi là Phật nhãn. Cả thấy những thứ này, gọi là kiến tịnh. Như Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như số cát có trong sông Hằng v.v...” thì đây là trí tịnh. “Tâm trụ” là tâm ba đời. “Có bao nhiêu v.v...” là có hai, đó là nhiễm và tịnh; tức là tâm cùng với dục, và tâm ly dục. Đời là quá khứ, hiện tại, vị lai. Ở trong hai tâm đó, an lập Đệ nhất nghĩa. Kinh nói: “Như Lai nói, các tâm trụ, đều không phải là tâm trụ... cho đến tâm quá khứ, không thể nắm bắt được.v.v...” Ở câu: Tâm quá khứ không thể nắm bắt được, vì nó qua rồi. Còn vị lai thì chưa có, và hiện tại là Đệ nhất nghĩa. Vì để chứng những gì cần biết, nên an lập kiến. Vì giáo hóa chúng sinh, khiến tâm chúng sinh vắng lặng nên an lập trí. Đối với trí tịnh này, thì nói tâm trụ, tức chẳng phải tâm trụ. Nhưng trong kiến tịnh, tại sao không nói mất, tức không phải mất? Ấy là do cùng một trụ xứ. Vì trí tịnh, sau an lập Đệ nhất nghĩa, thì trước cũng được thành tựu.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Nếu có người đem bảy báu, đầy cả trong ba ngàn đại thiên thế giới, mà bố thí, thì thiện nam thiện nữ ấy, nhờ nhân duyên ấy, có được phước báo nhiều không?”

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Người ấy, nhờ nhân duyên này, mà được rất nhiều phước báo.

Phật nói: Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Thiện nam thiện nữ kia, do nhân duyên này được rất nhiều phước đức. Này Tu-bồ-đề! Nếu tự phước đức ấy, mà có thật thì Như Lai tất sẽ không nói tự phước đức là tự phước đức!

Luận rằng: Ba là: Phước tự tại đầy đủ.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Nếu có người, đem bảy báu có đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới v.v... trong đó, cũng đã an lập Đệ nhất nghĩa rồi. Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu tự phước đức cao ngời mà có thật. v.v...”

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể nhìn Như Lai bằng sắc thân đầy đủ không?”

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không! Không thể nhìn Như Lai bằng sắc thân. Tại sao? Như Lai nói, sắc thân đầy đủ, tức chẳng phải sắc thân đầy đủ, nên Như Lai mới nói là sắc thân đầy đủ.

Phật nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể nhìn Như Lai bằng các tướng đầy đủ không?”

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không! Không thể nhìn Như Lai bằng các tướng đầy đủ. Tại sao? Vì Như Lai nói, các tướng đầy đủ, tức không phải đầy đủ; cho nên Như Lai mới nói là các tướng đầy đủ.

Luận rằng: Bốn là: Thân đầy đủ. Trong đó, lại có hai thứ, một là tốt đẹp đầy đủ, hai là tướng đầy đủ.

Về tốt đẹp đầy đủ, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể nhìn Như Lai bằng sắc thân đầy đủ không? Như thế v.v...” Trong đó cũng vì an lập Đệ nhất nghĩa nên kinh nói: Như Lai nói: Không phải đầy đủ v.v...”

Vì thân tướng đầy đủ vậy nên kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể nhìn Như Lai bằng những tướng đầy đủ chẳng? v.v...”

Kinh nói: Phật dạy: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Thầy có nói: Như Lai nghĩ như vậy: Ta sẽ nói hết thấy pháp, không?”

Này, Tu-bồ-đề! Thầy chớ nghĩ như vậy. Tại sao? Nếu ai nói Như Lai có nói hết thấy pháp thì kẻ ấy gièm pha Như Lai, không hiểu những gì Như Lai nói. Tại sao? Này, Tu-bồ-đề! Như Lai nói pháp, pháp nói đó không pháp có thể nói, ấy mới gọi là nói pháp.

Luận rằng: Năm là: Ngữ đầy đủ.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Thầy có nói: Như Lai nghĩ như vậy: Ta sẽ nói hết thấy pháp không? v.v...” Trong đó, vì an lập Đệ nhất nghĩa nên Kinh nói: “Như Lai nói pháp, pháp nói đó v.v...”

Kinh nói: “Khi ấy Tuệ Mạng Tu-bồ-đề bạch với Phật: Thưa Thế Tôn! Có chúng sinh nào, ở đời vị lai, nghe nói kinh này, mà sinh lòng tin tưởng không?”

Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Đó chẳng phải là chúng sinh, chẳng phải không là chúng sinh. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Chúng sinh, chúng sinh

ấy, Như Lai nói, chẳng phải chúng sinh, nên mới gọi là chúng sinh.

Luận rằng: Sáu là: Tâm đầy đủ. Tâm đầy đủ có sáu thứ:

1. Niệm xứ.
2. Chánh giác.
3. Thiết lập lợi ích lớn của pháp.
4. Gồm thấu pháp thân.
5. Không trụ nơi sinh tử, Niết-bàn.
6. Hành trụ tịnh.

- Về niệm xứ của tâm đầy đủ, kinh nói: “Bạch Thế Tôn! Lại có chúng sinh ở đời vị lai, khi nghe được pháp này, mà sinh lòng tin tưởng sao? v.v...” Những xứ này, đối với mọi chúng sinh, rõ ràng như niệm xứ của Thế Tôn.

Câu “Đó chẳng phải là chúng sinh”, là Đệ nhất nghĩa.

Câu “Chẳng phải không là chúng sinh”, tức Thế đế.

Câu “Người ấy tức là hiếm có bậc nhất”, là chỉ rõ người nói Đệ nhất nghĩa.

Câu “Đó là bất cộng và tương ứng”; trước đã giải thích rồi.

Kinh nói: Phật nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Không! Như Lai không có một chút pháp nào để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật dạy: Đúng vậy! Tu-bồ-đề! Ta đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho dù một chút pháp cũng không có được; nên mới gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp đó bình đẳng, không có cao thấp; nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không có chúng sinh, không có nhân, không có thọ giả, mà được bình đẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Tu hành hết thấy thiện pháp, thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu Bồ Đề! Những gì nói là thiện pháp, thiện pháp đó, Như Lai nói chẳng phải là thiện pháp, nên mới gọi là thiện pháp.

Luận rằng: Đây là nói Chánh giác của tâm đầy đủ.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? v.v... Trong đó câu: “Không có pháp nào”, tức là lìa bỏ cái lỗi thấy có. Nó chỉ rõ Bồ-đề và đạo Bồ-đề. Ở đây lại chỉ rõ Bồ-đề, có hai thứ nhân duyên, đó là tiếng A Nậu Đa La và tiếng Tam-miệu-tam-Phật-đà”. Trong đó, kinh nói: “Không có một chút pháp nào, Như Lai được A Nậu Đa La,. Tiếng A Nậu Đa La là chỉ rõ tự tướng của Bồ-đề, là tướng giải thoát của Bồ-đề. Trong đó câu, “không

một pháp vi trần nào, được chấp nhận là pháp có thể, cho nên cũng không thể nắm bắt được, cũng không có cái gì cả! Nên biết như vậy”.

Kinh nói: “Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp bình đẳng” tức là nói: Tam-miêu-tam-Phật-đà” là chỉ rõ tướng người bình đẳng của Bồ-đề. Trong bình đẳng này, dùng pháp Bồ-đề mà biết đó là Phật. Câu: “Không có cao thấp; chỉ rõ, trong Đệ nhất nghĩa của hết thảy chư Phật. Vì thọ mạng như nhau, không có cao thấp nên kinh nói: “Không có chúng sinh, không nhân, không thọ giả”, Được bình đẳng vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác”. Câu này rõ tướng bình đẳng của pháp sinh tử và Bồ-đề.

Kinh nói: “Hết thảy thiện pháp đều đạt đến vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác”. Đó là chỉ rõ đạo Bồ-đề.

Kinh nói: Những gì, gọi là thiện pháp, thiện pháp ấy, Như Lai nói chẳng phải thiện pháp, nên gọi là thiện pháp. v.v... Đây là đã an lập tướng Đệ nhất nghĩa.

Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Nếu có người lấy bảy báu cao như hết thảy núi chúa Tu-di, trong cả ba ngàn đại thiên thế giới, mà bố thí; nhưng nếu người ấy thọ trì, đọc tụng, giảng cho kẻ khác kinh Bát-nhã Ba-la-mật này, cho đến chỉ bốn câu kệ thì phước đức của việc bố thí kia, không bằng một phần trăm phước đức này. Không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn vạn, không bằng một phần Âu La, không bằng một phần số phần, không bằng một phần Ưu ba ni sa đà, cho đến tính toán thí dụ, cũng không tính nổi!

Này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Thầy có bảo là Như Lai đã nghĩ như vậy: Ta sẽ diệt độ chúng sinh chăng? Này Tu-bồ-đề! Thầy đừng nên kiến chấp điều ấy. Tại sao? Vì thật sự không có chúng sinh, để Như Lai độ! Này Tu-bồ-đề! Nếu có chúng sinh thật mà Như Lai độ, tức là Như Lai có tướng của ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả. Tu-bồ-đề! Như Lai nói có ngã, tức chẳng phải có ngã.

Này Tu-bồ-đề! Loại phạm phu sanh tâm hành bất định (mao đạo phạm phu, hay trẻ con phạm phu, Như Lai nói chẳng phải sanh, ấy mới gọi là phạm phu sanh tâm hành bất định.

Luận rằng: Đây là nói thiết lập lợi ích lớn của pháp trong tâm đầy đủ.

Kinh nói: “Như hết thảy núi chúa Tu-di, trong ba ngàn đại thiên thế giới... v.v...” Trong đó, vì an lập giáo thọ Đệ nhất nghĩa nên kinh nói: “Có nên bảo là: Như Lai nghĩ như vậy: Ta diệt độ chúng sinh chăng? v.v...” Lại nữa, kinh nói: “Thì Như Lai có tướng ngã, nhân, chúng sinh

và thọ giả v.v...” Câu này có nghĩa gì? Như Lai như Trí cảnh (cảnh sở tri) mà biết ; vì vậy nếu nói có chúng sinh thì Như Lai có Ngã thủ (chấp thủ ngã). Nếu thật không ngã, mà nói thì có Ngã thủ. Để bỏ sự vướng mắc đó. Kinh nói: “Nầy Tu-bồ-đề! Như Lai nói có ngã, thì chẳng phải có ngã, là như vậy v.v...” Cho nên, chỉ hàng phàm phu trẻ con, mới chấp giữ có ngã như thế. Kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Hàng Phàm phu, Như Lai nói chẳng phải là hàng phàm phu, cho nên mới gọi là hàng phàm phu.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể nhìn Như Lai bằng tướng thành tựu chăng?

Tu-bồ-đề nói: Như con hiểu ý nghĩa mà Như Lai nói thì không thể nhìn Như Lai bằng tướng thành tựu.

Phật nói: Đúng lắm, đúng như thế! Nầy Tu-bồ-đề! Không thể nhìn Như Lai bằng tướng thành tựu được. Phật bảo: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu nhìn Như Lai bằng tướng thành tựu, thì Chuyển luân Thánh vương lẽ ra, phải gọi là Như Lai. Cho nên, không thể nhìn Như Lai bằng tướng thành tựu được. Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Diệu thể của Như Lai,
Túc pháp thân chư Phật,
không thể thấy thể Pháp,
không thể biết ấy Thức.*

Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có thể, do tướng thành tựu, mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Tu-bồ-đề! Thầy chớ nghĩ như vậy. Đừng nghĩ Như Lai nhờ tướng thành tựu mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Luận rằng: Đây là nói thâm giữ pháp thân trong tâm đầy đủ.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể nhìn Như Lai bằng tướng thành tựu chăng? v.v...” Bài kệ đầu chỉ rõ: Những gì là không nên thấy, không thể thấy. Tại sao không thể thấy bằng lối ấy? Vì đó là cái nhìn thấy theo Thế đế. Kệ ấy tu tà đạo là sao? (hay tà tính) Định gọi là tịnh. Kệ đặc thiên gọi là tịch tĩnh, gọi là người tịch tĩnh.

Lại nữa, thiên còn gọi là tu theo cách tư duy. Trong đó tư thuộc về ý. Tu thuộc về thức. Nói tịch tĩnh tức là nói ý biết rõ và nhận thức. Đây thuộc về Thế đế, nên biết. Tu theo cách ấy là không thể thấy Như Lai, vì cách tu hành đó là theo Thế đế. Bài kệ thứ hai, chỉ rõ pháp thân Như Lai không thể thấy, và những điều kiện không thể thấy được. Phần đầu và phần kế bài kệ nói: Phải thấy Như Lai bằng pháp. Pháp là nghĩa Chân như. Nhân duyên đó như thế nào? Kệ nói: Đạo sư lấy pháp làm thân lấy Như làm duyên sinh ra thân chư thanh tịnh Thân ấy không thể

thấy được, chỉ nên thấy pháp mà thôi. Nhưng pháp ấy cũng không thể thấy được. Tại sao lại không thể thấy? Vì pháp ấy là tướng của Chân như. Chẳng như ngôn thuyết mà biết, chỉ có thể bằng tự chứng mới biết. Chẳng như ngôn thuyết là chẳng thấy thật, chẳng thể biết. Để chỉ rõ ý nghĩa đó, kệ nói: “Không thể thấy pháp thể, không thể biết thức ấy”. Trong trụ xứ này chỉ rõ, là nhờ pháp thân mà thấy được Như Lai, chứ không phải dùng tướng đầy đủ mà thấy Ngài. Dù không thấy Như Lai bằng tướng đầy đủ, nhưng vẫn phải dùng tướng đầy đủ làm nhân, để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Để lìa bỏ sự dính mắc này, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có thể dùng tướng thành tựu, để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Tu-bồ-đề! Thầy chớ nên nghĩ như vậy v.v...” Nghĩa này làm sáng tỏ tướng đầy đủ, thể nó chẳng phải là Bồ-đề, cũng không lấy tướng đầy đủ làm nhân của Bồ-đề; vì tướng là tự tính của sắc.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu thầy nghĩ như vậy: Bồ-tát, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nói tướng đoạn diệt của mọi pháp. Nay Tu-bồ-đề! Thầy đừng nghĩ như vậy: Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nói tướng đoạn diệt của mọi pháp. Tại sao? Bởi Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với các pháp, không nói tướng đoạn diệt.

Nay Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, lấy bảy báu tràn đầy cả thế giới, nhiều như cát sông Hằng, đem bố thí; nhưng nếu có Bồ-tát, biết tất cả pháp đều là Vô ngã, và chứng được Vô sinh pháp nhẫn, thì công đức này vượt hơn công đức bố thí kia.

Tu-bồ-đề! Vì các Bồ-tát không chấp giữ phước đức. Tu-bồ-đề thưa với Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không chấp giữ phước đức....

Phật nói: Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát nhận phước đức, nhưng không chấp vào nó. Do nhận, nên nói Bồ-tát chấp giữ phước đức.

Luận rằng: Đây là nói trong tâm đầy đủ không trụ nơi sinh tử, và Niết-bàn. Trong đó có hai thứ: Một là không trụ nơi Niết-bàn, hai là không trụ nơi sinh tử.

- Không trụ Niết-bàn, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu thầy nghĩ như vậy: Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nói tướng đoạn diệt của mọi pháp. v.v...” Trong đó, kinh nói: Đối với pháp, không nói đoạn diệt, nghĩa là y như những gì pháp trụ mà thông đạt, không cắt đứt mọi pháp ảnh tượng của Sinh tử. Đối với Niết-bàn, thì tự tại làm việc lợi ích chúng sinh. Trong đó, nhằm ngăn chặn một hướng trụ vào vắng lặng chỉ rõ không trụ Niết-bàn. Nếu không trụ Niết-bàn, thì phải

chịu khổ não sinh tử, để lia bỏ vương mắc ấy, chỉ rõ không trụ trong lưu chuyển nên kinh nói: Nầy “Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam thiện nữ, lấy bảy báu đầy cả thế giới, nhiều như cát sông Hằng đem bố thí, như thế v.v...” Trong đó, kinh nói: Vô ngã, Vô sinh Pháp nhãn là có ý nghĩa gì? Ấy là Như Lai luôn tự tại đối với mọi pháp hữu vi. Không còn sinh tử, không còn ngã, pháp. Lại không phải do nghiệp lực phiền não sinh ra, vì không còn phiền não sinh nên gọi là Vô ngã. Vô sinh ấy, trong đó được chỉ rõ như thế nào? Ấy là như nói: Gồm thâu mọi phước đức khác, còn không chịu khổ não trong sinh tử, hướng là Bồ-tát, ngã được nhãn trong pháp Vô sinh. Vô ngã Thành thử, phước đức của Bồ-tát phải vượt trội hơn phước đức kia, rất nhiều.

Kinh nói: “Nầy Tu-bồ-đề! Do các Bồ-tát không chấp giữ vào phước đức”, là chỉ rõ không trụ nơi sinh tử. Nếu trụ nơi sinh tử, tức nhận lấy phước tụ đó.

Lại nữa, kinh nói: “Tu-bồ-đề thưa với Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không giữ lấy (chấp thủ) phước đức, điều ấy có nghĩa gì? Do ở những nơi khác, Thế Tôn nói là nên nhận phước tụ?”

Kinh nói: Phật bảo: “Nầy Tu-bồ-đề! Bồ-tát có thọ phước đức, nhưng không giữ lấy phước đức. Cho nên nói Bồ-tát giữ lấy phước đức”.

Đây chỉ rõ, vì phương tiện mà nhận phước đức, chứ không nên chấp thủ nó. Thọ là nghĩa phước đức, chấp thủ là tu theo phước đức. Như phước tụ và quả của nó, đều không nên chấp trước.

Kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có ai nói: Như Lai là có đến, có đi, có đứng, có nằm, có ngồi thì kẻ đó không hiểu nghĩa ta nói. Tại sao? Vì Như Lai là không đi về đâu, cũng không từ nơi đâu mà đến, nên gọi là Như Lai.

Luận rằng: Đây là nói hành trụ thanh tịnh trong tâm đầy đủ. Trong đó lại có ba thứ:

1. Hành trụ oai nghi.
2. Hành trụ quán phá danh sắc tự tại.
3. Hành trụ không nhiễm.

Về hành trụ oai nghi, kinh nói: “Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có ai nói Như Lai có đi, có lại v.v...” Trong đó Hành là đi lại. Trụ là những oai nghi khác.

Kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, lấy cát đất trong cả ba ngàn đại thiên thế giới, rồi lấy thế giới nhiều như cát đất ấy, đem nghiền nát thành A tăng kì vi trần. Nầy Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao?

Số vi trần ấy, có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Các vi trần ấy, rất nhiều. Tại sao? Vì nếu các vi trần ấy, mà có thật, thì Phật không nói là các vi trần. Tại sao? Bởi Phật nói vi trần, là không phải vi trần, cho nên Phật mới nói đó là các vi trần. Thế giới, Như Lai nói, ba ngàn đại thiên thế giới, thì chẳng phải là thế giới, cho nên Phật mới nói đó là ba ngàn đại thiên thế giới. Tại sao? Vì nếu thế giới là có thật, thì đó là một hợp tướng. Như Lai nói tướng Một, Hợp, tức không phải là tướng Một, Hợp, cho nên Như Lai mới nói là tướng Một, Hợp.

Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Tướng Một Hợp ấy, thì không thể nói. Chỉ có phàm phu ham mê vướng mắc vào sự của nó. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu có ai nói: Phật nói có ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến; này Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Người ấy có nói lời chân chính không? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn: Dạ không! Tại sao? Vì Như Lai nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến ấy, tức chẳng phải là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến; nên mới gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến.

Này, Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải nên biết như vậy, có kiến giải như vậy, có lòng tin như vậy, đối với hết thảy pháp. Như vậy là không trụ nơi tướng của pháp. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Những gì gọi là tướng của pháp, thì tướng của pháp ấy, Như Lai nói là không phải tướng của pháp. Đó gọi là tướng của pháp.

Luận rằng: Đây là nói hành trụ quán Pháp danh sắc thân, tự tại.

Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, lấy số vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới, v.v...” trong đó, có những phương tiện nhỏ nhất, và phương tiện không thấy gì cả. Pháp chấp này như trước đã nói.

Kinh nói: “Bạch Thế Tôn! Các vi trần kia, rất nhiều”. Đây là phương tiện nhỏ nhất tinh tế. Kinh nói: Nếu những các vi trần đó có thực, thì Phật không nói đó là các vi trần v.v...” Đó là phương tiện không thấy gì cả. (Vô số kiến). Đây có ý nghĩa gì? Nếu vi trần Đệ nhất nghĩa là có, thì Thế Tôn sẽ không nói chẳng phải các vi trần.

Kinh nói: Phật nói các vi trần, tức chẳng phải các vi trần, cho nên Phật nói là các vi trần, vì thể của các vi trần ấy không thành. Nếu khác đây, thì dù không nói ra, cũng vẫn tự biết nghĩa của các vi trần đâu cần nói?

Kinh nói: “Như Lai nói ba ngàn đại thiên thế giới v.v...” đây là

phương tiện không thấy gì cả. Đây là phá bỏ danh thân, như đã nói ở trước. Thế giới là chỉ rõ thế giới chúng sinh. Nó chỉ là danh thân mà có tên như vậy.

Kinh nói: “Nếu thế giới là có thật, thì đó là tướng Một, Hợp. Trong đó, vì nói song song thế giới hoặc vi trần giới. Có hai thứ: Chấp có một và chấp có khác nhau. Loại chúng sinh, và thế giới chúng sinh, có thì đấy là chấp một. Còn có vi trần, thì đấy là chấp có khác nhau. Vì chấp các vi trần nên kinh nói: “Như Lai nói tướng Một, Hợp, tức chẳng phải tướng Một, Hợp, v.v...” Đây là Tu-bồ-đề đã an lập Đệ nhất nghĩa nên Đức Thế Tôn muốn xác lập thành tựu nghĩa như vậy mà thôi.

Kinh nói: “Tướng Một, Hợp đó, là điều không thể nói được. v.v... Câu ấy muốn chỉ rõ điều gì? Thế Tôn nói, cho nên là có. Đó là chấp vào Đệ nhất nghĩa. Pháp ấy, không thể nói được. Còn những pháp, mà trẻ con phàm phu, nghe theo lời nói rồi chấp trước thì đó, chẳng phải là Đệ nhất nghĩa.

Đã nói xong phương tiện không thể thấy được để phá chưa nói nghĩa khi từ vô sở kiến đi vào, khi tương ứng với Tam Muội, thì không còn phân biệt. Tức như những gì không phân biệt, cho đến người nào, pháp gì, phương tiện gì. v.v... Tại sao không phân biệt? Sẽ nói đủ như sau:

Kinh nói: “Này, Tu-bồ-đề! Nếu có ai nói như vậy: Phật nói ngã kiến v.v...” Đây là chỉ rõ những gì là không phân biệt. Chỉ rõ như thế nào? Như ngoại đạo nói ngã. Như Lai nói vì ngã kiến nên thiết lập Nhân, Vô ngã. Lại vì nói có ngã kiến này nên mới lập ra pháp Vô ngã. Nếu có ngã kiến thì đó là thuộc về kiến chấp. Quán sát như thế, khi Bồ-tát bước vào tương ứng với tam muội, không còn phân biệt. Tức sự quán sát này là phương tiện bước vào.

Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”, là chỉ rõ sự không phân biệt về người. Kinh nói: “Đối với hết thảy pháp đó”, đây là sự chỉ rõ không còn phân biệt pháp nào. Kinh nói: Nên biết như thế, thấy như thế, tin như thế. Đây là sự chỉ rõ tâm tăng thượng, trí tăng thượng nên trong vô phân biệt mà trí kiến thắng giải. Ở trong vô phân biệt mà Trí nương tựa vào Xa Ma Tha (chỉ), thì có trí; nương tựa vào Tì Bát Xá Na (Quán) thì có kiến. Cả hai thứ này đều nương vào Ta Ma Đề. Thắng giải là nhờ Tam ma đề mà tự tại. Hiểu biết những hình ảnh duyên dựa liên kết chuyển nhau bên trong thì gọi là thắng giải.

Kinh nói: “Không trụ vào tướng pháp như vậy”. Đây là chánh chỉ rõ nghĩa vô phân biệt.

Kinh nói: “Những gì gọi là tướng pháp, thì tướng pháp đó, Như Lai nói tức chẳng phải tướng pháp, nên mới gọi là tướng pháp”. Đây là chỉ rõ nghĩa bất cộng và nghĩa tương ứng trong tướng của pháp, như trước đã nói.

Như thế, trong hết thủy trụ xứ, phương tiện tương ứng Tam ma đề nên biết cũng như vậy. Hai thứ Dục, Nguyện và gồm thâu những tán loạn như trước đã nói, không có nghĩa nào khác, nên không cần nói lại phương tiện của nó nữa.

Kinh nói: “Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có Đại Bồ-tát đem bảy báu có đầy khắp trong vô lượng A tăng kỳ thế giới, để bố thí, nhưng nếu có thiện nam thiện nữ, phát tâm Bồ-tát đối với Kinh Bát-nhã Ba-la-mật này, cho đến chỉ với bốn câu kệ, mà thọ trì đọc tụng, giảng cho kẻ khác, thì phước đức này hơn phước bố thí kia đến vô lượng A tăng kỳ! Vì sao? Vì giảng nói cho kẻ khác mà không gọi là nói, đó mới gọi là nói.

*Hết thủy pháp Hữu vi,
Như sao, che, đèn, huyễn,
Sương, bọt, mộng, chớp, mây,
Nên quán xét như vậy.*

Luận rằng: Đây là nói Hành trụ không nhiễm. Không nhiễm có hai thứ: Một là thuyết pháp không nhiễm, hai là lưu chuyển không nhiễm.

Về thuyết pháp không nhiễm, kinh nói: “Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có Đại Bồ-tát, dùng bảy báu có đầy trong vô lượng A tăng kỳ thế giới v.v... Điều này làm sáng tỏ cái gì? Ấy là sự lợi ích to lớn có được như vậy quyết định nên giảng nói. Như vậy là giảng nói mà không có sự vướng mắc.

Kinh nói: “Vì sao? Vì người giảng nói, mà không gọi là nói đó gọi là giảng nói”. Câu này có ý nghĩa gì? Nó chỉ rõ cái không thể nói năng, không giảng nói pháp đó. Có nói cái thể có thể nói thì giảng nói như vậy. Nếu khác với điều đó, tức là thuyết nhiễm, là dùng nghĩa đảo điên.

Lại nữa, khi nói như vậy, không cầu sự tin kính... cũng là thuyết pháp vô nhiễm.

Về lưu chuyển không nhiễm, lời bài kệ trong kinh đã nói: Hết thủy pháp hữu vi, đều như ánh sao, như màn che mắt, như ngọn đèn, như huyễn ảo...

Bài kệ này chỉ rõ bốn thứ tướng của pháp hữu vi: Một là tướng tự tánh, hai là tướng vị sở trụ, ba là tướng tùy thuận lỗi lầm, bốn là tướng tùy thuận xuất ly.

Trong đây tướng tự tánh là chung tướng kiến thức mà thấy. Tướng ấy như ánh sao. Nên thấy như vậy. Tại sao? Vì vô trí ở trong bóng tối mới thấy có ánh sáng đó, còn có trí ở nơi sáng thì không thấy được ánh sáng đó. Nhân pháp ngã kiến đều như màng che mắt; nên thấy như vậy. Tại sao? Vì chấp giữ cái vô nghĩa. Thức như ngọn đèn, nên thấy như vậy. Vì sao? Vì khát ái chấp giữ duyên vào cho nên vướng vào trong đó mà bốc cháy. Đối với tướng của vị sở trụ là đam mê vào cảnh giới điên đảo. Nó như huyền ảo, nên thấy như vậy. Vì sao? Vì thấy điên đảo.

Trong đó tướng tùy thuận theo tướng lỗi lầm, là tùy thuận vô thường Thí dụ như hạt sương, là chỉ rõ thể tướng của hữu vi là không có, vì tùy thuận vô thường. Thí dụ như bọt nước là chỉ rõ sự tùy thuận vào thể khổ; vì sự thọ nhận như bọt nước. Như có thọ nhận thì đều là khổ cả. Do ba khổ nên tùy thuộc có thọ nên biết là có khổ. Vì khổ sinh ra cho nên là khổ khổ, vì phá diệt nên là hoại diệt ; vì không xa lìa nhau nên ấy Hành khổ. Lại nữa mà ở thiền thứ tư và trong vô sắc, lập thọ không khổ, không vui. Vì là thù thắng nên trong đó tùy thuận xuất ly, là tùy thuận vào nhân, pháp Vô ngã, duyên vào đó mà được xuất ly. Nói Vô ngã cho là xuất ly.

Tùy thuận là hành ở quá khứ v.v... Dùng thí dụ mộng v.v... là chỉ rõ các hành quá khứ. Vì tr phạm vi nhớ nghĩ nên nói như mộng. Hiện tại là thời gian trụ không lâu, nên thí dụ như ánh chớp. Vị lai là những hạt giống thô ác. Nói tự như hư không, dẫn dắt tâm tạo ra. Cho nên nói như là mây.

Như vậy đã biết hành chuyển sanh ở ba đời rồi, thì sẽ thông đạt được Vô ngã. Đó là chỉ rõ sự tùy thuận theo tướng xuất ly.

Kinh nói: Khi Phật nói kinh này xong, Trưởng lão Tu-bồ-đề và chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các đại Bồ-tát, hết thấy thế gian Người, Trời, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... nghe những gì Phật giảng nói, đều cả mừng, tin nhận, vâng làm.

Luận rằng: Kệ nói:

*Nếu nghe nghĩa như thế, Không giác ngộ
Đại thừa, Ta nhớ xưa có đá,
Rốt cùng chẳng có nhân. Người ngu gặp
pháp sâu
Không thể hiểu (giác ngộ) và tin Vì đời nhiều
người ngu
Nên pháp bị bỏ hoang.*